

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 01-3-2024

V/v: “*Ly hôn, Tranh chấp nuôi con*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lưu Ly**

- Hội thẩm nhân dân: Ông **Châu Văn Nhâm**

Ông **Lữ Quốc Toàn**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Đinh Thị Phương Thảo** - Thư ký tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc:** Bà **Nguyễn Thị Diễm** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 01/3/2024, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 852/2023/TLST-HNGĐ ngày 12/12/2023 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/02/2024 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Đỗ Thị Như N**, sinh năm: 1993 (Vắng mặt)

ĐKTT: **khu phố B, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai.**

- *Bị đơn:* Anh **Hồ Trọng T**, sinh năm: 1989 (Vắng mặt)

ĐKTT: **khu phố B, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai**

Hiện đang chấp hành án tại: Đội 23, phân trại **số D**, trại giam **T (Z30D - H, Bình Thuận)**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai bổ sung nguyên đơn **Đỗ Thị Như N** trình bày: Trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện chị và anh **Hồ Trọng T** chung sống và đăng ký kết hôn với nhau năm 2013 tại **Ủy ban nhân dân Tại UBND thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai**

Sau khi kết hôn anh chị chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ

chồng không có tiếng nói chung, do anh **T** đi chấp hành án tù năm 2020 nên dẫn đến vợ chồng không có cơ hội để hàn gắn đoàn tụ. Nay tình cảm của chị đối với anh **Hồ Trọng T** không còn nên chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh **Hồ Trọng T** có 01 con chung là cháu **Hồ Trọng N1** sinh ngày 26/5/2010, Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Không yêu cầu anh **Hồ Trọng T** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

Nợ chung: Không có.

Bị đơn anh **Hồ Trọng T** trình bày: Trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện anh và chị **Đỗ Thị Như N** chung sống với nhau có đăng ký kết hôn năm 2013 tại **UBND thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai**.

Quá trình vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Do anh đi chấp hành án tù tháng 5 năm 2020 nên vợ chồng không có cơ hội hàn gắn đoàn tụ. Nay chị **Đỗ Thị Như N** yêu cầu ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh và chị **Đỗ Thị Như N** có 01 con chung là cháu **Hồ Trọng N1**, sinh ngày 26/5/2010, khi ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị **N** trực tiếp nuôi dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Không có

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng, thực hiện thông báo thụ lý vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xác định đầy đủ và đúng quy định pháp luật.

Về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử đã được thực hiện đúng tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị **Đỗ Thị Như N** nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng của chị **Đỗ Thị Như N** và anh **Hồ Trọng T** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho chị **N** được ly hôn với anh **T** là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu **Hồ Trọng N1** sinh ngày 26/5/2010, khi ly hôn chị **Đỗ Thị Như N** và anh **Hồ Trọng T** thống nhất giao con chung cho chị **N** trực tiếp nuôi dưỡng. Nhận thấy, hiện nay cháu **Hồ Trọng N1** đang sống cùng với chị **N**, hơn nữa cháu có nguyện vọng được sống cùng với mẹ, nên chấp nhận cho chị **Đỗ Thị Như N** được nuôi con chung sau ly hôn là phù hợp.

Về tài sản chung: chị **Đỗ Thị Như N** và anh **Hồ Trọng T** không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

Nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng: Chị **Đỗ Thị Như N** có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh **Hồ Trọng T**, do đó xác định chị **N** là nguyên đơn, anh **T** là bị đơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị **Đỗ Thị Như N** và anh **Hồ Trọng T** có xin xét xử vắng mặt. Nên xét xử vắng mặt chị **N** và anh **T** tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Đỗ Thị Như N** và anh **Hồ Trọng T** tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo luật định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị **Đỗ Thị Như N** nhận thấy: **Đỗ Thị Như N** và anh **Hồ Trọng T** đều thừa nhận cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc và có nhiều mâu thuẫn, nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh chị thống nhất ly hôn. Như vậy, chứng tỏ tình trạng hôn nhân của anh chị mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy nên chấp nhận cho chị **Đỗ Thị Như N** được ly hôn với anh **Hồ Trọng T** là phù hợp.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là **Hồ Trọng N1**, sinh ngày 26/5/2010, khi ly hôn anh chị thống nhất giao con chung cho chị **Đỗ Thị Như N** trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, cháu **Hồ Trọng N1** đang ở cùng mẹ là chị **N**, cháu có nguyện vọng được sống cùng với mẹ, hơn nữa hiện nay anh **T** đang chấp hành án nên không có điều kiện chăm sóc con. Do đó giao cháu **Hồ Trọng N1** cho chị **Đỗ Thị Như N** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu **N1** đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: chị **Đỗ Thị Như N** và anh **Hồ Trọng T** không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết

[6] Về nợ chung: chị **Đỗ Thị Như N** và anh **Hồ Trọng T** không có nợ chung, nên không xem xét giải quyết

[6] Về án phí: Chị **Đỗ Thị Như N** phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 28, Điều 35; Điều 39, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 51; Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 85 của Luật Hôn nhân gia đình 2014;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án:
- *Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Đỗ Thị Như N** được ly hôn với anh **Hồ Trọng T**.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và giấy chứng nhận kết hôn số 56, quyền số 01/2C13 do Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai cấp không còn giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu **Hồ Trọng N1**, sinh ngày 26/5/2010 cho chị **Đỗ Thị Như N** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh **Hồ Trọng T** được quyền thăm nom con chung nhưng không gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị **Đỗ Thị Như Ngọc**

Khi cần thiết, chị **Đỗ Thị Như N** và anh **Hồ Trọng T** được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

Tạm thời anh **Hồ Trọng T** không phải cấp dưỡng nuôi con do chị **Đỗ Thị Như N** không có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị **Đỗ Thị Như N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0009422 ngày 30/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

Chị **Đỗ Thị Như N** và anh **Hồ Trọng T** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhân:

- TAND Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Huyện Xuân Lộc;
- CCTHADS H.Xuân Lộc;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã, thị trấn
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Ly

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hội thẩm nhân dân

Lưu Ly

Châu Văn Nhâm

Trần Thị Kim T1

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Huyện Xuân Lộc;
- CCTHADS H.Xuân Lộc;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã, thị trấn
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa

Lru Ly